

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN (NIÊM YẾT CÔNG KHAI ĐỢT 2)

Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT. 773 (Long Thành- Cẩm Mỹ- Xuân Lộc), huyện Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Long Thành (đoạn qua xã Xuân Đông, tỉnh Đồng Nai).

STT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Diện tích đất bồi thường (m ²)								Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú	
			Tổng	Phi nông nghiệp		Nông nghiệp												
				Tổng	Đất ở	Tổng	Đất trồng cây lâu năm	Đất trồng lúa khác	Đất chuyên trồng lúa nước	Đất trồng lúa								Đất trồng cây hàng năm
1	Ông Phan Ngọc Vinh và bà Quách Thị Tình	ấp 5, xã Xuân Đông, TP Đồng Nai	73,6	-	-	73,6	73,6	-	-	-	-	28.902.720	7.397.440	1.342.504	38.142.000	8.000.000	83.784.664	
2	Ông Ngô Hồng Tươi	Ấp 7, Gia Ray, Phường Xuân Lộc, TP. Đồng Nai	2	-	-	2	2	-	-	-	-	618.800	6.400	34.000	855.000	2.000.000	3.514.200	
3	Ông Lương Ngọc Lâm	220/4 đường Phan Văn Hân, P. Gia Định, TP.HCM	7220,2	-	-	7220,2	-	-	-	-	7220,2	3.922.538.690	60.979.600	200.997.425	3.420.000	20.000.000	4.207.935.715	
4	Ông Vòng Đức Tông và bà Vũ Thị Huệ	Ấp 5, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	5013,4	-	-	5013,4	-	-	-	-	5013,4	1.968.762.180	548.824.258	65.551.122	2.488.473.000	20.000.000	5.091.610.560	
5	Ông Trương Viễn và bà Huỳnh Thị Liên	Ấp 5, Xã Xuân Đông, TP.Đồng Nai	4167,1	-	-	4167,1	-	-	-	-	4167,1	803.333.538	9.587.460	89.844.658	1.014.315.300	20.000.000	1.937.080.956	
6	Bà Nguyễn Thị Quyền	Ấp 2, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	1191,9	-	-	1191,9	-	-	-	-	1191,9	380.216.100	21.089.800	31.799.730	394.182.000	20.000.000	847.287.630	
7	Phạm Thế Hùng ; Đinh Thị Luyến	Khu phố 1, phường Tam Phước, TP. Đồng Nai	215,1	-	-	215,1	215,1	-	-	-	-	66.551.940	-	5.284.204	1.710.000	8.000.000	81.546.144	
8	Ông Sú Xuân Sang và bà Phạm Tróch Giếng	ấp Suối Đục, xã Xuân Quế, TP. Đồng Nai	350,7	-	-	350,7	139,5	-	-	-	211,2	196.146.510	-	1.168.299	248.953.500	16.000.000	462.268.309	
9	Ông Nguyễn Công Dũng và bà Đồng Thị Kim Trúc	Ấp 2, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	697,1	-	-	697,1	697,1	-	-	-	-	273.751.170	15.412.800	22.780.128	346.774.500	20.000.000	678.718.598	
10	Ông Nguyễn Văn Học và bà Tống Thị Lan Anh	210/7 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	3726,5	-	-	3726,5	-	-	-	-	3726,5	1.463.396.550	-	1.519.887	6.840.000	20.000.000	1.491.756.437	

11	Ông Lồng Cá Dưỡng và bà Lây Sùy Kiều	ấp 5, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	188,5	-	-	188,5	-	-	-	188,5	59.219.160	-	8.552.073	76.356.000	12.000.000	156.127.233
12	Ông Nguyễn Văn Nhâm và bà Đặng Thị Mỹ ĐSH Ông Trương Quốc Đức	ấp 5, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai A1605 Chung cư The Golden Star 58B Nguyễn Thị Thập, Phường Tân Thuận, thành phố Hồ Chí Minh (Đức)	794,3	-	-	794,3	794,3	-	-	-	311.921.610	27.113.152	116.600	-	16.000.000	355.151.362
13	Ông Lý A Pầu và bà Hồ Nhi Múi	ấp 3, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	3822,5	-	-	3822,5	3822,5	-	-	-	1.029.598.020	161.276.280	124.158.743	1.498.218.750	20.000.000	2.833.251.793
14	Ông Huỳnh Thái Bình	Áp Rừng Sến, xã Đức Lập, tỉnh Tây Ninh	2,2	-	-	2,2	2,2	-	-	-	510.840	-	-	855.000	2.000.000	3.365.840
15	Ông Nguyễn Minh Dũng và bà Nguyễn Trúc Mai	ấp 5, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	1094,3	-	-	1094,3	1094,3	-	-	-	520.294.418	688.000	13.992.388	657.543.300	20.000.000	1.212.518.106
16	Ông Hoàng Văn Lợi và bà Nguyễn Thị Thành	ấp 3, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	5207,4	-	-	5207,4	-	-	-	5207,4	1.611.169.560	1.057.141.347	41.858.039	2.037.726.000	20.000.000	4.767.894.946
17	Ông Nguyễn Công Hoa và bà Lê Thị Duyên	Áp 2, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	5206,5	-	-	5206,5	5206,5	-	-	-	1.660.873.500	-	29.269.940	1.724.985.000	20.000.000	3.435.128.440
18	Bà Trần Thị Kiều My ĐSH ông Liễu Tuấn Hiệp	Áp 7, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai (My) khu Bàu Cá, xã An Phước, TP. Đồng Nai (Hiệp)	2755,3	-	-	2755,3	2755,3	-	-	-	513.739.422	210.764.484	39.958.480	-	20.000.000	784.462.386
19	Bà Phạm Thị Phương	Số nhà 502 Nhà 127 Nguyễn Phong Sắc, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	2040,6	-	-	2040,6	2040,6	-	-	-	468.685.008	-	172.178.146	855.000	20.000.000	661.718.154
20	Ông Phạm Văn Huy	ấp Bàu Cá, xã An Phước, TP. Đồng Nai	1153,1	-	-	1153,1	-	-	-	1153,1	356.769.140	-	18.532.368	1.710.000	16.000.000	393.011.508
21	Ông Nguyễn Hữu Tuy	Thôn Ô Mễ, xã Tân Kỳ, Thành Phố Hải Phòng	2497,8	-	-	2497,8	-	-	-	2497,8	796.798.200	1.305.120	16.553.306	3.420.000	20.000.000	838.076.626
22	Ông Ngô Hồng Von	Áp 3, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	33,9	-	-	33,9	-	-	-	33,9	10.488.660	1.917.120	1.350.862	14.076.000	4.000.000	31.832.642
23	Ông Nguyễn Đình Hải và bà Lê Thị Vân	ấp 1, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	178,3	-	-	178,3	-	-	-	178,3	56.014.728	139.200	14.192.311	72.316.800	12.000.000	154.663.039
24	Ông Lê Nguyên Vũ	Áp 5, xã An Phước, TP. Đồng Nai	2274,5	-	-	2274,5	-	-	-	2274,5	428.353.304	-	12.376.980	600.789.600	20.000.000	1.061.519.884
25	Ông Trịnh Văn Đa và bà Nguyễn Thị Lành	ấp 5, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	5360,5	-	-	5360,5	5360,5	-	-	-	1.369.198.887	429.158.960	75.238.298	1.742.980.950	20.000.000	3.636.577.095

26	Bà Phan Thị Kim Loan	ấp Tân Bình, xã Cẩm Mỹ, TP. Đồng Nai	1599,7	-	-	1599,7	1599,7	-	-	-	-	538.602.993	4.147.200	-	6.840.000	20.000.000	569.590.193
27	Ông Nguyễn Đức Vang và bà Trần Thị Hạnh	Ấp 2 Xuân Đông, TP. Đồng Nai	1116,3	-	-	1116,3	-	782,8	-	-	333,5	256.391.784	40.388.706	38.706.794	268.652.880	20.000.000	624.140.164
28	Ông Lương Văn Quang và bà Nguyễn Thị Hoà	ấp 3, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	263,7	-	-	263,7	-	-	-	-	263,7	147.487.410	232.000	518.388	187.618.500	16.000.000	351.856.298
29	Ông Nguyễn Thanh Lâm và bà Nguyễn Thị Lê	Ấp Đông Minh, Xã Xuân Phú, TP. Đồng Nai	1805,2	-	-	1805,2	-	1805,2	-	-	-	895.198.680	37.324.800	-	932.907.600	20.000.000	1.885.431.080
30	Ông Nguyễn Nam Thắng	KK1, Ba Vì, phường Hòa Hưng, thành phố Hồ Chí Minh	3710,5	-	-	3710,5	3710,5	-	-	-	-	1.028.854.008	21.000.000	19.039.417	855.000	20.000.000	1.089.748.425
31	Ông Ngô Đức Lộc và bà Trần Thị Mỹ Lệ	xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	2961,3	-	-	2961,3	-	1224,7	-	-	1736,6	850.189.230	69.465.600	-	978.939.000	20.000.000	1.918.593.830
32	Bà Nguyễn Thị Ánh	Phường Bảo Vinh, thành phố Đồng Nai	11341,5	-	-	11341,5	11341,5	-	-	-	-	2.555.138.088	30.730.000	22.230.333	6.840.000	20.000.000	2.634.938.421
33	Ông Hồ Hữu Huy	ấp 2, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	387,3	-	-	387,3	-	387,3	-	-	-	111.193.830	-	2.092.723	-	12.000.000	125.286.553
34	Ông Hoàng Văn Phương và Bà Lê Thị Tích	Ấp 2, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	942,5	-	-	942,5	-	942,5	-	-	-	217.293.375	2.419.200	5.513.400	-	16.000.000	241.225.975
35	Ông Nguyễn Tấn Lực và bà Lê Thị Nở	Ấp 2, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	3379,5	-	-	3379,5	-	-	-	3379,5	-	970.254.450	23.500.800	-	-	20.000.000	1.013.755.250
36	Ông Nguyễn Trí Hưng và bà Nguyễn Thị Khuyến	ấp 2, xã Xuân Đông, TP. Đồng Nai	890,1	-	-	890,1	-	-	-	890,1	-	234.061.146	-	14.278.404	243.842.220	16.000.000	508.181.770
37	Ông Phạm Thị và bà Văn Thị Tuyết	Ấp Bể Bạc, Xuân Đông, TP. Đồng Nai	2450,7	-	-	2450,7	-	2450,7	-	-	-	565.008.885	-	9.802.800	-	20.000.000	594.811.685
38	Ông Hà Văn Thái	Ấp Bể Bạc, Xuân Đông, TP. Đồng Nai	2055,3	-	-	2055,3	-	2055,3	-	-	-	473.849.415	-	46.244.250	493.609.050	20.000.000	1.033.702.715
39	Ông Lê Sang và bà Vũ Thị Thu Phượng	Ấp 2, Xuân Đông, TP. Đồng Nai	886,4	-	-	886,4	-	886,4	-	-	-	204.359.520	1.296.000	1.086.000	213.116.400	16.000.000	435.857.920
40	Ông Chông A Thành và bà Lâm Súi Cú	Ấp 2, xuân Đông, TP. Đồng Nai	4413,7	-	-	4413,7	2.552	-	-	-	1861,7	1.365.598.780	190.873.740	33.467.784	1.723.053.000	20.000.000	3.332.993.304
41	Ông Lê Văn Thiện và bà Cao Thị Mỹ Hậu	Ấp 5, Xuân Đông, TP. Đồng Nai	932	-	-	932	-	-	-	932	-	179.670.960	134.019.550	88.395.076	240.156.000	20.000.000	662.241.586
42	Bà Nguyễn Thị Hương	Ấp Bể Bạc, Xuân Đông, TP. Đồng Nai	49,1	-	-	49,1	-	49,1	-	-	-	14.096.610	691.200	1.102.500	15.437.700	4.000.000	35.328.010
43	Ông Nguyễn Vũ Thành	Ấp 2, Xuân Đông, TP. Đồng Nai	1787,8	-	-	1787,8	-	1787,8	-	-	-	412.177.290	-	7.151.200	433.230.300	20.000.000	872.558.790
44	Ông Dương Hiến và bà Lưu Thị Huyền	Ấp 2, Xuân Đông, TP. Đồng Nai	1152,2	-	-	1152,2	-	1152,2	-	-	-	265.639.710	-	7.230.744	-	16.000.000	288.870.454



45	Ông Nguyễn Đăng Thuận và bà Võ Thị Phiên	Ấp 2, Xuân Đông, TP. Đồng Nai	1518,4	-	-	1517,4	-	-	-	1517,4	349.836.570	-	20.229.437	-	16.000.000	386.066.007	
46	Ông Văn phú Châu	Ấp 2, Xuân Đông, TP. Đồng Nai	3936,5	-	-	3936,5	-	3936,5	-	-	1.952.110.350	77.174.400	30.714.240	2.022.844.500	20.000.000	4.102.843.490	
47	Ông Nguyễn Đăng Phước	Ấp 2, Xuân Đông, TP. Đồng Nai	3251,8	-	-	3251,8	-	1865,2	-	1386,6	749.702.490	-	63.560.000	-	20.000.000	833.262.490	
48	Ông Lý A Pầu và bà Hồ Nhi Múi	Ấp 3, Xuân Đông, TP. Đồng Nai	387,9	-	-	387,9	387,9	-	-	-	206.440.010	576.798.378	8.090.030	261.928.500	20.000.000	1.073.256.918	
49	Ông Chu Quốc Công	Ấp 5, xã Xuân Đông, tỉnh Đồng Nai	2163,8	-	-	2163,8	2163,8	-	-	-	669.479.720	766.662.115	90.237.260	844.737.000	20.000.000	2.391.116.095	
50	Ông Trịnh Bon và bà Trần Thị Bạch Huệ	Ấp 5, xã Xuân Đông, thành phố Đồng Nai	12164,6	-	-	12164,6	9.440	-	-	2724,6	4.063.482.290	588.704.575	298.684.166	5.128.876.500	20.000.000	10.099.747.531	
51	Bà Nguyễn Thị Thuý	Ấp 5, xã Xuân Đông, tỉnh Đồng Nai	4629,9	-	-	4629,9	4629,9	-	-	-	1.818.161.730	57.444.800	60.457.355	2.295.220.500	20.000.000	4.251.284.385	
Tổng			125.445	-	-	125.444	58028,8	18173,5	1152,2	3379,5	44710,	39.392.131.979	5.175.674.485	1.811.447.992	29.274.202.350	868.000.000	76.567.491.606
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																76.567.491.606	
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%																2.679.862.206	
Trong đó:																	
- Trung Tâm Phát Triển quỹ đất Thành Phố Đồng Nai, Chi nhánh Cẩm Mỹ (2,975%)																2.277.882.875	
- UBND Xã Xuân Đông (0,525%)																401.979.331	
Tổng cộng (1+2):																79.247.353.812	
Bằng chữ: Bảy mươi chín tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi ba ngàn, tám trăm mười hai đồng																	